Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8533.40.00

Mã HS	8533.40.00
Mô tả hàng hóa	Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng / - Điện trở biến đổi khác, kể cả biến trở và chiết áp
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 19:19:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85334000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15738
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15738
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15738
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15071
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15003
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15003
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15003
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15003
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15003
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15003
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15057
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15057
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15057

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15057
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15057
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15057
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15058
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15058
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15058
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15058
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15058
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15058
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15061
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15009
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15017
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15017
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15017
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15017
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15017
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15017
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15057
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15057
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15057
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15057
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15057
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15057
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15112
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15112
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15112

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15112
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15112
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15112
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15091
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15091
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15091
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15091
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15091
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15091
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D15089
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E15089
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F15089
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G15089
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H15089
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I15089
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15095
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15095
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15095
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15095
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15095
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15095
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15094
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15094
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15094
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15094
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15094

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15094
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15087
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15087
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15087
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15087
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15087
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15087
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15087
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15082
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15082
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15082
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15082
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15082
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15082
RCEP B	2022	2022	0	B!D15082
RCEP B	2023	2023	0	B!E15082
RCEP B	2024	2024	0	B!F15082
RCEP B	2025	2025	0	B!G15082
RCEP B	2026	2026	0	B!H15082
RCEP B	2027	2027	0	B!I15082
RCEP C	2022	2022	0	C!D15082
RCEP C	2023	2023	0	C!E15082
RCEP C	2024	2024	0	C!F15082
RCEP C	2025	2025	0	C!G15082
RCEP C	2026	2026	0	C!H15082
RCEP C	2027	2027	0	C!I15082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15081
RCEP D	2023	2023	0	D!E15081
RCEP D	2024	2024	0	D!F15081
RCEP D	2025	2025	0	D!G15081
RCEP D	2026	2026	0	D!H15081
RCEP D	2027	2027	0	D!I15081
RCEP E	2022	2022	0	E!D15085
RCEP E	2023	2023	0	E!E15085
RCEP E	2024	2024	0	E!F15085
RCEP E	2025	2025	0	E!G15085
RCEP E	2026	2026	0	E!H15085
RCEP E	2027	2027	0	E!I15085
RCEP F	2022	2022	0	F!D15082
RCEP F	2023	2023	0	F!E15082
RCEP F	2024	2024	0	F!F15082
RCEP F	2025	2025	0	F!G15082
RCEP F	2026	2026	0	F!H15082
RCEP F	2027	2027	0	F!I15082
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14052
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14052
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14052
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14052

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8533.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8533.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15738), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.